

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ năm 2024 của tỉnh Bình Định

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Luật Đo đạc và Bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/03/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ; Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ; UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

1. Khái quát tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bình Định

Trong những năm qua, UBND tỉnh Bình Định đã đầu tư kinh phí để thực hiện công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính. Đến nay, tỉnh Bình Định đã hoàn thành công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính theo hệ tọa độ VN 2000, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được 95/155⁽¹⁾ xã, phường, thị trấn; đồng thời, tích hợp cơ sở dữ liệu địa chính 75 xã, phường, thị trấn thuộc 05 huyện: Tuy Phước, Phù Mỹ, Phù Cát, An Lão và Tây Sơn.

Kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh lũy kế từ trước đến nay theo các tỷ lệ như sau:

- Tổng diện tích tự nhiên tỉnh Bình Định 606.640ha.

- Khối lượng đo đạc, lập bản đồ địa chính: 565.339,63 ha; trong đó: Đo đạc lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500: 5.178,89 ha; tỷ lệ 1/1000: 18.511,11 ha; tỷ lệ 1/2.000: 139.967,2 ha; tỷ lệ 1/5.000: 6.603,02 ha; tỷ lệ 1/10.000: 395.079,41 ha.

Nhìn chung kết quả thực hiện công tác đo đạc, lập bản đồ đã mang lại hiệu quả, làm cơ sở tốt phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về đất đai. Hiện nay, toàn tỉnh còn 57/155 xã, phường thuộc các huyện, thị xã: Hoài Ân, Vĩnh Thạnh, Vân Canh, thị xã An Nhơn và thành phố Quy Nhơn chưa triển khai được công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính theo hệ tọa độ VN 2.000.

⁽¹⁾ Nghị quyết 1257/NQ-UBTVQK 15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước CHXHCNVN Khóa XI thông qua tại phiên họp ngày 24/10/2024; tỉnh Bình Định sau khi sắp xếp đơn vị hành chính tỉnh Bình Định có 155 ĐVHC cấp xã, 11 đơn vị hành chính cấp huyện.

2. Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ trong năm 2024

Năm 2024, địa phương không ban hành văn bản quy phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ. Về đơn giá sản phẩm đo đạc và bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn tỉnh Bình Định tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 52/2018/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh để áp dụng tính toán đơn giá sản phẩm.

3. Tình hình tổ chức triển khai nhiệm vụ đo đạc và bản đồ

a) Kết quả triển khai các đề án, dự án, nhiệm vụ đo đạc và bản đồ (do Thủ tướng Chính phủ/Bộ/phê duyệt và thực hiện bằng ngân sách nhà nước, vốn ODA):

- Triển khai công tác đấu thầu để thực hiện thiết kế kỹ thuật và dự toán kinh phí đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính 03 xã, thị trấn: Ân Thạnh, Ân Đức và TT Tăng Bạt Hồ, huyện Hoài Ân với kinh phí dự toán; 13,9 tỷ đồng

b) Kết quả xây dựng dữ liệu địa lý thuộc trách nhiệm được giao tại Điều 27 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ:

UBND tỉnh Bình Định đã triển khai thực hiện một số nội dung sau:

- Xây dựng dữ liệu số bản đồ hiện trạng sử dụng đất của 155 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Định, dữ liệu bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện và cấp tỉnh.

- Xây dựng dữ liệu quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030.

- Riêng dữ liệu bản đồ về phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục sự cố môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; dữ liệu bản đồ nền địa lý quốc gia, bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000 khu vực tỉnh Bình Định chưa thực hiện vì nguồn nhân lực cũng như cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các phần mềm quản lý chưa đảm bảo.

4. Tổng hợp tình hình mốc đo đạc thuộc phạm vi quản lý

Trên địa bàn tỉnh Bình Định có 205 mốc địa chính cơ sở; trong đó: số mốc địa chính cơ sở bị mất: 06 mốc; Số mốc bị hư hại 04 mốc; mốc đo đạc chuyên ngành: 2619 mốc.

(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm)

5. Tổng hợp kinh phí đầu tư thực hiện trong năm 2024

Tổng kinh phí triển khai các dự án đầu tư cho công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính và bản đồ địa hình: 24.557,9 triệu đồng; trong đó:

- Đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu: 13.926,6 triệu đồng.

- Trích đo và chỉnh lý bản đồ địa chính phục vụ cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng các dự án chỉnh trang đô thị và dự án tuyến đường cao tốc Bắc-Nam: 4.120,8 triệu đồng.

- Thực hiện các dự án khảo sát, lập bản đồ địa hình phục vụ quy hoạch chi tiết các loại tỷ lệ trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố: 6.510,5 triệu đồng.

Ngoài ra còn có các dự án quy hoạch khu dân cư và khu tái định cư ở địa bàn các xã, phường và thị trấn trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm)

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

UBND tỉnh Bình Định đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét một số khó khăn trong công tác đo đạc bản đồ trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Hiện nay tỉnh Bình Định còn 57/155 xã, phường, thị trấn thuộc 05 huyện, thị xã, thành phố (Vân Canh, Vĩnh Thạnh, Hoài Ân, thị xã An Nhơn và thành phố Quy Nhơn) chưa thực hiện đo đạc, lập bản đồ địa chính theo hệ tọa độ VN 2000. Trong khi nguồn ngân sách của tỉnh còn khó khăn, kính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường quan tâm hỗ trợ kinh phí để thực hiện dự án hoàn thiện và hiện đại hóa hồ sơ địa chính.

2. Việc xây dựng và vận hành bản đồ nền địa lý quốc gia, bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000 và các dữ liệu bản đồ về phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục sự cố môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu là lĩnh vực chuyên ngành mới, nhân lực ở địa phương còn hạn chế. Do đó, kính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức tập huấn, đào tạo nâng cao trình độ, năng lực cho cán bộ trong việc xây dựng, quản lý, vận hành và chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường đề tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Cục Đo đạc, BĐ&TTĐL VN;
- CT, PCT TT: N.T.Thanh;
- Sở TNMT;
- Lưu: VT, K4, K16

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục I
Thông kê mốc đo đạc thuộc phạm vi quản lý trên
địa bàn tỉnh Bình Định

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh Bình Định)

| T T | Loại mốc | Số lượng mốc đang quản lý | Tình trạng mốc | | |
|--------|-------------------------|---------------------------------|---|---|--|
| | | | Số hiệu mốc bị mất | Số hiệu mốc bị hư hại | Số hiệu mốc bị lấn chiếm hành lang bảo vệ |
| 1 | Mốc tọa độ quốc gia | 11 | | | |
| 2 | Mốc độ cao quốc gia | | | | |
| 3 | Mốc trọng lực quốc gia | | | | |
| 4 | Mốc địa chính cơ sở | 205 | 862423; 874430; 875406; 862440; 875405; 875406 | 862419; 875416; 862419; 875416 | |
| 5 | Mốc đo đạc chuyên ngành | 2.619 | | | |

Phụ lục II
Tổng hợp kết quả triển khai các dự án, nhiệm vụ
đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bình Định

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh Bình Định)

| ST T | Tên Công trình, Dự án | Phạm vi thực hiện | Cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện | Thông tin, dữ liệu sản phẩm chính của dự án | Kết quả thực hiện trong năm | Nơi lưu trữ dữ liệu thông tin | Giá trị (triệu đồng) |
|-----------|--|--|---|--|--|--|----------------------------|
| | Tổng (I+II+III) | | | | | | 24.557,9 |
| I | Đo vẽ, lập bản đồ địa chính, cấp GCN và XDCSDL | | | | | | 13.926,6 |
| 1 | Công trình: Đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp GCN QSDĐ, QSHNO và TSK gắn liền với đất và XDCSDL địa chính 03 xã, thị trấn (Ấn Thạnh, Ấn Đức, TT Tăng Bạt Hồ) huyện Hoài Ân | Xã Ấn Thạnh; Ấn Đức và TT Tăng Bạt Hồ | Phòng TNMT huyện Hoài Ân | | Đang thực hiện | | 13.926,6 |
| II | Trích đo và chỉnh lý bản đồ địa chính phục vụ bồi thường GPMB | | | | | | 4.120,8 |
| 01 | Chỉnh lý BĐĐC Công trình: di dời các tuyến điện 0,4KV-22KV-35KV và tuyến điện cao thế 110KV- 220KV Dự án thành phần đoạn Hoài Nhơn- Quy Nhơn: 52 thửa đất | Xã Ấn Mỹ, Ấn Phong, Ấn Thạnh, Ấn Tường Đông và TT Tăng Bạt Hồ | Ban QLDA ĐT XD và PTQH. Hoài Ân | Mảnh Chỉnh lý | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 177,3 |
| | Quy Nhơn | | | | | | |
| 01 | Chỉnh lý BĐĐC Dự án: Xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc- Nam phía Đông giai đoạn 2021- 2025, đoạn qua địa | Xã Phước An, Phước Thành | Ban QLDA ĐT XD và PTQH. H. | Mảnh Chỉnh lý BĐĐC | Đang thực hiện | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 22,8 |

| | | | | | | | |
|----|---|---|--------------------------------------|-------------------------|----------------|--|-------|
| | phận huyện Tuy Phước: 35 thửa | | Tuy Phước | | | | |
| 02 | Trích đo BĐĐC Công trình: Doanh Trại Hải đội Dân quân thường trực tỉnh Bình Định; trích đo 05 thửa | Phường Hải Cảng | Bộ CHQS tỉnh Bình Định | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 36,3 |
| 03 | Trích đo BĐĐC Công trình: Khu tái định cư phục vụ dự án tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến QL 19 mới | Phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn | Ban GPMB tỉnh | Mảnh trích đo địa chính | Đang thực hiện | Công ty Cổ phần Địa chính tin học Hùng Vương | 19,8 |
| 04 | Trích đo BĐĐC Dự án Nhà máy điện gió Nhơn Hội – Giai đoạn 1 và 2 | Khu kinh tế Nhơn Hội, xã Nhơn Hội và xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn | Công ty CP Năng lượng Fico Bình Định | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 125,0 |
| 05 | Trích đo BĐĐC Dự án: Khu đô thị Long Vân 2 | Phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn | Công ty TNHH Đầu tư BĐS Long Vân | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 407,9 |
| 06 | Khu nghỉ dưỡng, an dưỡng, điều dưỡng và phục hồi chức năng tỷ lệ 1/1000: 27 ha | Ban QLKKT Bình Định | Ban QLKKT Bình Định | Mảnh trích đo | Đã hoàn thành | Văn phòng ĐKĐĐ | 52,0 |
| 07 | Trích đo BĐĐC Công trình: Công viên xã Phước Mỹ | Xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn | UBND xã Phước Mỹ | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Công ty cổ phần Địa chính Tin học Hùng Vương | 8,6 |
| 08 | Trích đo Dự án: Khu đất Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ Giao thông vận tải Bình Định và các khu vực liên kề, phường Quang Trung : 01 thửa | Phường Ghềnh Ráng | Ban GPMB tỉnh | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 6,8 |
| 09 | Đo đạc lập bản đồ địa chính Dự án: Khu du lịch Kỳ Co – Nhơn Lý tại KKT | Xã Nhơn Lý | Công ty Cổ phần DL và TM | Mảnh trích đo | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng | 60,0 |

| | | | | | | | |
|----|---|---|--|---|---------------------|--|-------|
| | Nhon Hội, Xã Nhon Lý; tỷ lệ 1/5000: 50 ha | | | địa chính | | ký đất đai tỉnh | |
| 10 | Hạ tầng kỹ thuật Khu cải táng phục vụ GPMB dự án Khu đô thị Nam đường Hùng Vương và các dự án khác trên địa bàn thành phố Quy Nhơn. Địa điểm: xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỷ lệ 1/5.000: 5,5 ha | Xã Phước Mỹ | Ban GPMB tỉnh | Mảnh trích đo | Hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 12,64 |
| 11 | Chỉnh lý BĐĐC Công trình: Nâng cấp đường Nguyễn Bình Khiêm (thị trấn Diêu Tri) đến đường Nguyễn Lữ (thị trấn Tuy Phước): 162 thửa | TT Tuy Phước | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ H Tuy Phước | Mảnh Chỉnh lý BĐĐC | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 38,8 |
| 12 | Trích đo, chỉnh lý BĐĐC các Khu tái định cư tại các xã: Phước Thắng, Phước Hòa, Phước Thuận, huyện Tuy Phước và Khu cải táng mỏ mả tại xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước phục vụ Dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến – Diêm Vân | Các xã: huyện Tuy Phước | Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh | Mảnh trích đo, chỉnh lý BĐĐC | Đã hoàn thành | Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc Bình Phú | 1,65 |
| 13 | Trích đo BĐĐC công trình: Khu cải táng phục vụ công tác GPMB dự án Khu đô thị Nam Hùng Vương và các dự án khác trên địa bàn thành phố Quy Nhơn: 1/5000: 14,8 ha | Xã Phước Mỹ | Ban GPMB tỉnh | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 13,1 |
| 14 | Chỉnh lý BĐĐC Công trình: Nâng cấp đường Nguyễn Bình Khiêm (thị trấn Diêu Tri) đến đường Nguyễn Lữ (thị trấn Tuy Phước | Thị trấn Diêu Tri, thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Tuy Phước | Mảnh chỉnh lý BĐĐC | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 38,8 |
| 15 | Trích đo BĐĐC Công trình: Tuyến đường kết nối từ QL 19 đến Khu công nghiệp Đô thị và Dịch vụ Becanex VSIP Bình Định: tỷ lệ 1/1000: 21,83 ha; 1/2000: 86,68 ha | Xã Nhon Tân và xã Nhon Thọ | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ Tx An Nhơn | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 161,5 |
| 16 | Trích đo BĐĐC Dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.638 (đoạn trung tâm xã Nhon Phúc đến | Xã Nhon Phúc và xã Nhon Lộc | Ban QLDA ĐTXD và | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng | 154,9 |

| | | | | | | | |
|----|--|-------------------------------|----------------------------------|-------------------------|---------------|---|-------|
| | trung tâm xã Nhơn Lộc): tỷ lệ 1/1000: 28 ,75ha | | PTQĐ TX An Nhơn | | | ký đất đai tỉnh | |
| 17 | Trích đo BĐDC Công trình: Tuyến đường từ cầu Trường Cửu đến nhà Cù Lương Minh: tỷ lệ 1/1000: 6,95 ha | Xã Nhơn Khánh | UBND xã Cát Khánh | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 45,6 |
| 18 | Trích đo BĐDC Dự án: Khu dân cư dọc đường N4A nối dài về phía Đông: Tỷ lệ 1/2000: 18 ha | Xã Nhơn Hưng và Nhơn An | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ TX An Nhơn | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 41,2 |
| 19 | Trích đo BĐDC, Dự án: Đường phía Tây huyện Phù Cát (tuyến từ Khu công nghiệp Hòa Hội đến sân bay Phù Cát) đoạn qua xã Nhơn Mỹ: 1/2000: 08 ha | Xã Nhơn Mỹ | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ TX An Nhơn | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 18,3 |
| 20 | Trích đo BĐDC Dự án: Công viên Hồ Sen, Nhơn Hậu (Hạng mục: Đường giao thông quanh hồ, bó vỉa, vỉa hè, cây xanh) 16,62 ha | Xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ TX An Nhơn | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Công ty cổ phần Tài nguyên Môi trường Phước Thịnh | 109,7 |
| 21 | Trích đo BĐDC Dự án: Kè Thuận Thái, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn; 1/2000: 8,3 ha | Xã Nhơn An | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ TX An Nhơn | Mảnh trích đo BĐDC | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 19,0 |
| 22 | Trích đo BĐDC Dự án: Khu dân cư dọc đường Tôn Thất Tùng nối dài về phía Đông thuộc phường Nhơn Hưng; 1/2000: 17,4 ha | Phường Nhơn Hưng | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ TX An Nhơn | Mảnh trích đo BĐDC | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 39,9 |
| 22 | Trích đo BĐDC Công trình: Nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông kết nối Đường trục Khu kinh tế với ĐT.631; 7,96 ha | Xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ TX An Nhơn | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Công ty Cổ phần Tài nguyên môi trường Phước Thịnh | 4,34 |
| 23 | Trích đo BĐDC Công trình: Trường bắn, thao trường huấn luyện Ban CHQS thị xã An Nhơn/Bộ CHQS tỉnh Bình Định | Xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ TX An Nhơn | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 142,3 |

| | | | | | | | |
|----|---|---|---|----------------------------------|---------------------|---|-------|
| 24 | Trích đo BĐDC Dự án: Đường phía Tây huyện Phù Cát (tuyến từ Khu công nghiệp Hòa Hội đến khu vực sân bay Phù Cát) 6,93 ha | Xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn | Ban QLDA ĐT XD và PT QĐ TX An Nhơn | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 15,3 |
| 25 | Trích đo BĐDC Công trình: Nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông kết nối đường trục khu kinh tế với ĐT.631 (đoạn đường trục khu kinh tế đến cây xăng Cầm Vy, xã Nhơn Hạnh, thị xã An Nhơn); tỷ lệ 1/2000: 13,34 ha | Xã Nhơn Hạnh, thị xã An Nhơn | Ban QLDA ĐT XD và PT QĐ TX An Nhơn | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 27,5 |
| 26 | Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính phục vụ công tác bồi thường GPMB Thuộc Công trình: Cụm công nghiệp Tân Tường An tỷ lệ 1/1000 và 1/2000: 22,7ha | Xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn | Công ty TNHH MTV ĐT và PT kho bãi Nhơn Tân | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 254,3 |
| 27 | Trích đo, chỉnh lý BĐDC Công trình: Đường liên huyện Phù Cát – thị xã An Nhơn, nối từ đường trục Khu kinh tế nối dài (xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát) đến Tỉnh lộ ĐT.631; | Xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát và xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn | Ban QLDA ĐT XD và PT QĐ TX An Nhơn | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 11,5 |
| 28 | Trích đo BĐDC Dự án: Khu Đô thị Bắc Bằng Châu, P Đập Đá, tỷ lệ 1/1000; 12,66 ha | Phường Đập Đá, thị xã An Nhơn | Công ty TNHH Đầu tư Tân Đại Thành | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai | 55,8 |
| 29 | Trích đo BĐDC Công trình: BT, GPMB và TĐC dự án thành phần đoạn Quy Nhơn – Chí Thạnh thuộc Dự án công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giao đoạn 2021 – 2025, đoạn qua địa bàn phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn : 58 ha | Phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn | Ban QLDA ĐT XD và PT QĐ TX An Nhơn | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai | 108,0 |
| 30 | Trích đo BĐDC Công trình: BT, GPMB và TĐC dự án thành phần đoạn Hoài Nhơn - Quy Nhơn thuộc Dự án công trình đường bộ cao tốc Bắc – | Các xã: Nhơn Phúc, Nhơn Lộc, Nhơn | Ban QLDA ĐT XD và PT QĐ TX An Nhơn | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai | 309,0 |

| | | | | | | | |
|----|--|--------------------------------------|--|-------------------------|----------------|--------------------------------|-------|
| | Nam phía Đông giao đoạn 2021 – 2025, đoạn qua địa bàn các xã: Nhơn Phúc, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn; tỷ lệ 1/2000; 142,8 ha | Thọ, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn | | | | | |
| 31 | Đo đạc bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 phục vụ công tác đền bù, GPMB; Công trình: Xây dựng cụm đài K2/Trung đoàn không quân 925/Sur đoàn 372 tại Xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, 1,4 ha | Xã Nhơn Hậu | Sur đoàn 372 - Quân chủng Phòng không-Không quân | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 57,0 |
| 32 | Chính lý BĐDC, Công trình: Điểm dân cư Hóc Ông Xòm, thôn Hưng Mỹ, xã Cát Hưng và Công trình Công trình: Sửa chữa, mở rộng tuyến đường UBND xã-: 19 thửa | Xã Cát Hưng | UBND xã Cát Hưng | Mảnh Chính lý BĐDC | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 5,5 |
| 33 | Chính lý BĐDC Chính lý BĐDC, Dự án: Xây dựng hạ tầng Khu dân cư phía Đông suối Ông Sung, thị trấn Cát Tiến: 53 thửa | TT Cát Tiến | Ban QLDA ĐTXD và PTQH. Phù Cát | Mảnh chính lý BĐDC | Đang thực hiện | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 13,2 |
| 34 | Chính lý BĐDC Dự án: Phía Tây đường sắt, Thị trấn Ngô Mây, huyện Phù Cát: 100 thửa | TT Ngô Mây | Ban QLDA ĐTXD và PTQH. Phù Cát | Mảnh Chính lý BĐDC | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 26,9 |
| 35 | Chính lý BĐDC Công trình: Hạ tầng kỹ thuật các điểm dân cư Thị trấn Ngô Mây: 39 thửa | TT Ngô Mây | Ban QLDA ĐTXD và PTQH. Phù Cát | Mảnh Chính lý BĐDC | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 20,4 |
| 36 | Chính lý BĐDC Dự án Khu dân cư đô thị Cát Khánh năm 2022: 24 thửa | Xã Cát Khánh | UBND xã Cát Khánh | Mảnh Chính lý BĐDC | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 10,2 |
| 37 | Chính lý BĐDC Công trình: Xây dựng hạ tầng điểm dân cư Tây thôn An Quang Tây, xã Cát Khánh: 14 thửa | Xã Cát Khánh | UBND xã Cát Khánh | Mảnh Chính lý BĐDC | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 4,8 |
| 38 | Trích đo BĐDC, Dự án: Đường phía Tây huyện Phù Cát (tuyến từ Khu công nghiệp Hòa Hội đến | TT Ngô Mây | Ban QLDA ĐTXD và | Mảnh chính lý BĐDC | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng | 142,0 |

| | | | | | | | |
|----|---|---|-------------------------------------|--------------------|---------------|--------------------------------|-------|
| | sân bay Phù Cát) 1/1000 và 1/2000: 545 thửa đất | | PTQĐ H. Phù Cát | | | ký đất đai tỉnh | |
| 39 | Chỉnh lý BĐDC Dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Quốc lộ 1A (Cát Hanh)- Cát Tài: tỷ lệ 1/1000; 1/2000: 394 thửa đất | Xã Cát Hanh và Cát Lâm | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ H Phù Cát | Mảnh chỉnh lý BĐDC | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 148,6 |
| 40 | Chỉnh lý BĐDC Dự án: Tiểu khu đô thị 2.8 phân khu 2- Khu đô thị du lịch biển Nam vùng đầm Đề Gi: 1/1000; 1/2000: 76 thửa | UBND xã Cát Hải | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ H Phù Cát | Mảnh chỉnh lý BĐDC | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 37,8 |
| 41 | Thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc chỉnh lý BĐDC tỷ lệ 1/1000 và 1/2000 phục vụ BT, GPMB Dự án Tuyến đường liên huyện từ thị trấn Phù Mỹ đi xã Cát Minh, huyện Phù Cát; diện tích 81,67ha | Xã Mỹ Quang, Mỹ Tài, Mỹ Chánh Tây, Mỹ Chánh, Mỹ Cát, Cát Minh | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ, Huyện Phù Mỹ | Mảnh Chính lý | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 304,2 |
| 42 | Thẩm định Thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc chỉnh lý BĐDC phục vụ BT, GPMB dự án Khu dân cư thôn Chánh Khoan Nam, xã Mỹ Lợi diện tích 7,74ha | Xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ, Huyện Phù Mỹ | Mảnh Chính lý | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 21,0 |
| 43 | Thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc chỉnh lý BĐDC phục vụ BT, GPMB dự án Xây dựng Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn - Cơ sở 2; diện tích 10,49ha | Phường Hoài Thanh Tây, Tx. Hoài Nhơn | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ TX. Hoài Nhơn | Mảnh Chính lý | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 25,6 |
| 44 | Thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc chỉnh lý BĐDC phục vụ BT, GPMB dự án Cụm Công nghiệp Bồng Sơn (giai đoạn 2) - Lô A4 và hạ tầng xung quanh; diện tích 5,27ha | Phường Bồng Sơn, Tx. Hoài Nhơn | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ TX. Hoài Nhơn | Mảnh Chính lý | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 9,6 |
| 45 | Thẩm định Thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc chỉnh lý BĐDC phục vụ BT, GPMB dự án Cụm công nghiệp Tường Sơn, xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (Lô A-4 Cụm công nghiệp Tường Sơn); ; diện tích 2,34ha | Xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ TX. Hoài Nhơn | Mảnh Chính lý | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 16,2 |

| | | | | | | | |
|----|--|---|---|------------------------------|---------------|-----------------------------------|-------|
| 46 | Thẩm định phương án nhiệm vụ - dự toán kinh phí đo đạc chính lý BĐDC phục vụ công tác bồi thường, GPMB thực hiện Dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Lam Sơn, phường Hoài Đức, thị xã Hoà Nhon | Phường Hoài Đức, thị xã Hoà Nhon | UBND phường Hoài Đức | Mảnh Chính lý, Trích đo | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 51,4 |
| 47 | Thẩm định phương án nhiệm vụ đo đạc bản đồ địa chính (chính lý) phục vụ công tác bồi thường, GPMB thực hiện Dự án: Khu dân cư phía Đông Quốc lộ 1A cũ, khu phố Công Thành, phường Tam Quan Bắc; diện tích 4,43ha | Phường Tam Quan Bắc, thị xã Hoà Nhon | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ TX.Hoài Nhon | Mảnh Chính lý | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 109,9 |
| 48 | Chính lý BĐDC Dự án: Xây dựng hạ tầng Khu dân cư thị trấn Phú Phong; Giai đoạn 2: Xây dựng hạ tầng khu dân cư khối Phú Văn | Thị trấn Phú Phong, xã Tây Phú, huyện Tây Sơn | UBND thị trấn Phú Phong | Mảnh chính lý BĐDC | Đã hoàn thành | Công ty TNHH Đo đạc – TKXD Bảo An | 34,9 |
| 49 | Chính lý BĐDC Công trình: Xây dựng hạ tầng khu dân cư phía Tây đường Đô Đốc Long; tỷ lệ 1/200; 18,59 ha | Thị trấn Phú Phong, xã Tây Phú, huyện Tây Sơn | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ, H. Tây Sơn | Mảnh chính lý BĐDC | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai | 20,8 |
| 50 | Chính lý BĐDC Công trình: Xây dựng hạ tầng khu dân cư tại xã Tây Thuận năm 2020; ; tỷ lệ 1/200; 6,94 ha | Xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ, H. Tây Sơn | Mảnh chính lý BĐDC | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai | 25,5 |
| 51 | Trích đo, chính lý BĐDC Dự án: Khu sản xuất, chế biến nông, lâm sản tập trung | Xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn | Công ty Cổ phần Vinanutrifood Bình Định | Mảnh trích đo, chính lý BĐDC | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai | |
| 52 | Chính lý BĐDC Công trình: Khu dân cư phía Bắc chợ Mỹ An | Xã Tây Bình, huyện Tây Sơn | UBND xã Tây Bình | Mảnh chính lý BĐDC | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai | 25,2 |
| 53 | Chính lý BĐDC Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Bảo tàng Quang Trung đi tháp Dương Long | Các xã: Bình Hòa, Tây Bình, | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ, H. Tây Sơn | Mảnh chính lý BĐDC | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai | 110,6 |

| | | | | | | | |
|----|--|--|--|-------------------------|---------------|--------------------------------|-------|
| | | huyện Tây Sơn | | | | | |
| 54 | Chỉnh lý BĐDC Hạng mục: Tuyến đường kết nối đập dâng Phú Phong đi quốc lộ 19B thuộc Dự án: Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn | Thị trấn Phú Phong, xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Thạnh | Ban QL DA Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Mảnh chỉnh lý BĐDC | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai | 54,4 |
| 55 | Trích đo BĐDC Công trình: Cầu qua sông Kôn | Các xã Vĩnh Quang, Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ, H. Vĩnh Thạnh | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai | 9,8 |
| 56 | Trích đo BĐDC Dự án: Sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp nước huyện Vĩnh Thạnh | Thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ, H. Vĩnh Thạnh | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 4,1 |
| 57 | Trích đo BĐDC Công trình: Trụ sở làm việc Công an xã Vĩnh Thịnh | Xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ, H. Vĩnh Thạnh | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 1,3 |
| 58 | Trích đo BĐDC Công trình: Xây dựng Trạm y tế xã Vĩnh Thịnh | Xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ, H. Vĩnh Thạnh | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 2,8 |
| 59 | Trích đo BĐDC Công trình: Xây dựng đường BTXM từ đất ông Lũy đến đất ông Trị; tỷ lệ 1/2000; 7,69 ha | Xã Canh Hòa, huyện Vân Canh | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ, H. Vân Canh | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 15,5 |
| 60 | Trích đo BĐDC Dự án: Định canh định cư tập trung làng Suối Diếp; tỷ lệ 1/2000: 11,01 ha | Xã Canh Hòa, huyện Vân Canh | Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ H. Vân Canh | Mảnh trích đo địa chính | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 22,2 |
| 65 | Trích đo, chỉnh lý BĐDC Dự án: Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp giai đoạn 2021 - 2025 | Các huyện: Hoài Ân, Phù Mỹ, Phù Cát, Vân Canh, Tây Sơn | Ban QL dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Mảnh trích đo, BĐDC | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 211,7 |

| | | | | | | | |
|------------|--|--------------------------------|--|----------------------------|---------------|--------------------------------------|----------------|
| 66 | Trạm Y tế xã - thôn An Nội, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh, tỷ lệ 1/1.000; 0,36ha | Xã Vĩnh Thịnh | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Vĩnh Thịnh | Mảnh trích đo, BĐDC | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai | 2,73 |
| 67 | Trụ sở làm việc Công an xã - thôn An Nội, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh, tỷ lệ 1/1.000; 1,23 ha | Xã Vĩnh Thịnh | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Vĩnh Thịnh | Mảnh trích đo, BĐDC | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 1,23 |
| 68 | Khu Dân cư thôn Định Nhất, xã Vĩnh Hảo, huyện Vĩnh Thạnh, tỷ lệ 1/1.000; 1,27 ha | Xã Vĩnh Hảo | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Vĩnh Thịnh | Trích đo BĐDC | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 7,18 |
| 69 | Trích đo địa chính thửa đất phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất ở tại các thửa đất ở xen kẽ trong khu dân cư trên địa bàn thị trấn VĩnhThạnh ; 0,74 ha | TT Vĩnh Thịnh | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Vĩnh Thịnh | Mảnh trí chỉnh lý BĐDC | Đã hoàn thành | Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh | 26,93 |
| III | Bản đồ địa hình | | | | | | 6.510,5 |
| 1 | Khảo sát địa hình, công trình Khu dân cư Trung tâm xã Nhơn Khánh; 04 ha | UBND xã Nhơn Khánh, TX An Nhơn | UBND xã Nhơn Khánh, TX An Nhơn | Tài liệu Khảo sát địa hình | Đã hoàn thành | UBND xã Nhơn Khánh | 40,3 |
| 2 | Khảo sát địa hình, công trình Khu nhà ở kết hợp chỉnh trang đô thị Khu vực phía Nam-Bắc đường tăng Bạt Hổ, thị trấn Diêu Trì; 12,78 ha | UBND thị trấn Diêu Trì | Công ty TNHH Đầu tư Phú Tài Diêu Trì | Tài liệu khảo sát địa hình | Đã hoàn thành | Công ty TNHH Đầu tư Phú Tài Diêu Trì | 70,0 |
| 3 | Khảo sát địa hình, công trình bán ngập khu vực đô thị Bồng Sơn, TX Hoài Nhơn; 6,01 ha | Thị trấn Bồng Sơn | Phòng Quản lý Đô thị TX Hoài Nhơn | Tài liệu khảo sát địa | Đã hoàn thành | Phòng Quản lý Đô thị TX Hoài Nhơn | 27,5 |
| 4 | Khảo sát địa hình, công trình Quy hoạch Chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 không gian phát triển du | Thị xã Hoài Nhơn | Phòng Quản lý Đô thị TX | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | Phòng Quản lý Đô thị TX | 480,3 |

| | | | | | | | |
|----|---|-------------------------|--|-------------------------|---------------------|--|-------|
| | lich biên TX Hoài Nhơn; 159 ha | | Hoài Nhơn | | | Hoài Nhơn | |
| 5 | Khảo sát địa hình, công trình Quy hoạch Chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm hành chính huyện Phù Cát; 19,4 ha | Thị trấn Ngô Mây | Phòng Kinh tế và hạ Tầng H Phù Cát | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | Phòng Kinh tế và hạ Tầng H Phù Cát | 103,4 |
| 6 | Khảo sát địa hình, công trình Quy hoạch chung xây dựng đô thị Cát Hanh, H. Phù Cát; 19,4 ha | Xã Cát Hanh | Phòng Kinh tế và hạ Tầng H Phù Cát | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | Phòng Kinh tế và hạ Tầng H Phù Cát | 469,1 |
| 7 | Khảo sát địa hình Dự án HTKT khu đất phía Tây trường CD Bình Định; 2,5 ha | Phường Nhơn Phú | Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh | 63,5 |
| 8 | Khảo sát địa hình, công trình: Khu du lịch nghỉ dưỡng biển Quốc tế Bãi Xếp; 3,72 ha | Phường Ghềnh Ráng | Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hải Long | Tài liệu khảo sát | Đã hoàn thành | Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hải Long | 24,4 |
| 9 | Khảo sát địa hình, công trình: Trung tâm giết mổ gia súc, gia cầm và chế biến thực phẩm San Hà Bình Định; 16,5 ha | Huyện Phù Cát | Công ty TNHH San Hà | Tài liệu khảo sát | Đã hoàn thành | Công ty TNHH San Hà | 74,5 |
| 10 | Khảo sát địa hình, công trình: Quy hoạch tổng thể mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu vực Đồng Âu, xã Tây Vinh; 0,7 ha | Xã Tây Vinh | Ban QLĐTXD và PTQĐ H. Tây Sơn | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | Ban QLĐT XD và PTQĐ H. Tây Sơn | 18,5 |
| 11 | Khảo sát địa hình, công trình: Quy hoạch tổng thể mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 Trụ sở làm việc Công an xã Bình Tường, H. Tây Sơn; 0,27 ha | Xã Bình Tường | Ban QLĐTXD và PTQĐ H. Tây Sơn | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | Ban QLĐT XD và PTQĐ H. Tây Sơn | 14,6 |
| 12 | Khảo sát địa hình, công trình: Quy hoạch tổng thể mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 Trụ sở làm việc | Xã Tây Giang | Ban QLĐTXD và PTQĐ H. Tây Sơn | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | Ban QLĐT XD và PTQĐ | 51,9 |

| | | | | | | | |
|----|--|----------------------|---|-----------------------|---------------------|---|-------|
| | Công an xã Tây Giang, H. Tây Sơn; 0,64 ha | | | | | H. Tây Sơn | |
| 13 | Khảo sát địa hình, công trình: Quy hoạch tổng thể mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 Trụ sở làm việc Công an xã Tây Xuân, H. Tây Sơn; 0,3 ha | Xã Tây Xuân | Ban QLĐTXD và PTQĐ H. Tây Sơn | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | Ban QLĐT XD và PTQĐ H. Tây Sơn | 29,2 |
| 14 | Khảo sát địa hình, công trình: ĐTXD các tuyến đường Khu trung tâm xã Cát Nhơn; 4,5 ha | Xã Cát Nhơn | UBND xã Cát Nhơn | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | UBND xã Cát Nhơn | 96,1 |
| 15 | Khảo sát, lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 Công trình: Thủy điện Vĩnh Sơn 4; 17,2 ha | Xã Vĩnh Sơn | Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn | 17,2 |
| 16 | Khảo sát, lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 Công trình: Đóng cửa ô chôn lấp C3 thuộc bãi rác Long Mỹ, TP Quy Nhơn; 9 ha | Xã Phước Mỹ | Công ty CP Môi trường Bình Định | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | Công ty CP Môi trường Bình Định | 45,0 |
| 17 | Khảo sát địa hình, lập bản đồ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Công trình: Khu trung tâm xã Phước Quang; 34,0 ha | Xã Phước Quang | UBND xã Phước Quang | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | UBND xã Phước Quang | 190,7 |
| 18 | Khảo sát địa hình, lập bản đồ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Công trình: các công trình công cộng tại xã Phước Quang, 2,2 ha | Xã Phước Quang | UBND xã Phước Quang | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | UBND xã Phước Quang | 38,0 |
| 19 | Khảo sát địa hình, phục vụ lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Công trình: Các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã Phước Quang; 2,9 ha | Xã Phước Quang | UBND xã Phước Quang | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | UBND xã Phước Quang | 45,8 |
| 20 | Khảo sát địa hình, lập bản đồ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Công trình: các công trình công cộng | Xã Phước Thành | UBND xã Phước Thành | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | UBND xã | 245,3 |

| | | | | | | | |
|----|---|---------------------|--------------------------|-----------------|---------------|--------------------------|-------|
| | tại xã Phước Thành, 44,37 ha | | | | | Phước Thành | |
| 21 | Khảo sát địa hình, phục vụ lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Công trình: Các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã Phước Thành; 3,2 ha | Xã Phước Thành | UBND xã Phước Thành | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | UBND xã Phước Thành | 39,9 |
| 22 | Khảo sát địa hình, lập bản đồ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Công trình: các công trình Khu dân cư bờ đê thôn Phổ Trạch, xã Phước Thuận; 3,8 ha | Xã Phước Thuận | UBND xã Phước Thuận | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | UBND xã Phước Thuận | 42,9 |
| 23 | Khảo sát địa hình, lập bản đồ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Công trình: các điểm dân cư năm 2024 xã Phước Nghĩa; 4,36 ha | Xã Phước Nghĩa | UBND xã Phước Nghĩa | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | UBND xã Phước Nghĩa | 71,8 |
| 24 | Khảo sát địa hình, lập bản đồ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Công trình: các điểm dân cư năm 2024 xã Phước Lộc; 8,72 ha | Xã Phước Lộc | UBND xã Phước Lộc | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | UBND xã Phước Lộc | 65,1 |
| 25 | Khảo sát địa hình, lập bản đồ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Công trình: các điểm dân cư năm 2024 xã Phước Thắng; 1,03 ha | Xã Phước Thắng | UBND xã Phước Thắng | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | UBND xã Phước Thắng | 50,4 |
| 26 | Khảo sát địa hình, lập bản đồ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Công trình: Khu trung tâm xã Cát Sơn; 62,0 ha | Xã Cát Sơn | UBND xã Cát Sơn | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | UBND xã Cát Sơn | 278,0 |
| 27 | Khảo sát địa hình, lập bản đồ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Công trình: Khu dân cư Khu phố Dĩnh Thạnh, phường Tam Quan Bắc; 28,38 ha | Phường Tam Quan Bắc | UBND phường Tam Quan Bắc | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | UBND phường Tam Quan Bắc | 138,7 |
| 28 | Khảo sát địa hình, lập bản đồ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Công trình: | Phường Hoài Xuân | UBND phường | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | UBND phường | 62,2 |

| | | | | | | | |
|----|--|-----------------|--|-----------------|---------------|--|-------|
| | Quảng trường và Khu dân cư trung tâm P. Hoài Xuân; 11,8 ha | | Hoài Xuân | | | g Hoài Xuân | |
| 29 | Khảo sát địa hình, lập bản đồ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Công trình: Cụm CN Hoài Tân; 12 ha | Phường Hoài Tân | UBND phường Hoài Tân | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | UBND phường Hoài Tân | 260,1 |
| 30 | Khảo sát địa hình, lập bản đồ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/500 Công trình: Khu Công nghiệp Hoài Mỹ TX Hoài Nhơn ; 600 ha | Xã Hoài Mỹ | Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh | 829,9 |
| 31 | Khảo sát địa hình, lập bản đồ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/500 Công trình: Khu Công nghiệp Phù Mỹ Nhơn ; 840 ha | Xã Mỹ An | Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh | 458,2 |
| 32 | Khảo sát địa hình, lập bản đồ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/500 Công trình: Cụm Công nghiệp Quy Hội, xã Phước An; 37,29 ha | Xã Phước An | UBND xã Phước An | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | UBND xã Phước An | 235,8 |
| 33 | Khảo sát địa hình, lập bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Công trình: Trung tâm xã Mỹ Trinh; 90,4 ha | Xã Mỹ Trinh | UBND xã Mỹ Trinh | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | UBND xã Mỹ Trinh | 439,1 |
| 34 | Khảo sát địa hình, lập bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Công trình: Trường Chính trị tỉnh Bình Định; 4,24 ha | Phường Nhơn Phú | Ban QLDA XD các công trình DD và CN tỉnh | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | Ban QLDA XD các công trình DD và CN tỉnh | 32,5 |
| 35 | Khảo sát địa hình, lập bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Công trình: Điểm dân cư thôn Đại Ân xã Cát Nhơn; 8,20 ha | Xã Cát Nhơn | UBND xã Cát Nhơn | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | UBND xã Cát Nhơn | 59,1 |
| 36 | Khảo sát địa hình, lập bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Công trình: Trung tâm | | Sở Lao động-TBXH | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | Sở Lao động-TBXH | 72,2 |

| | | | | | | | |
|----|---|---------------------|--|-----------------|---------------|--|-------|
| | Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn- Cơ sở 2; 10,0 ha | Phường Hoài Hảo | | | | | |
| 37 | Khảo sát địa hình, lập bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Công trình: Điểm khu dân cư thôn An Mỹ, xã Mỹ Cát; 6,0 ha | Xã Mỹ Cát | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ H Phù Mỹ | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ H Phù Mỹ | 38,8 |
| 38 | Khảo sát địa hình, lập bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án Trung tâm Y tế H An Lão; 1,47 ha | TT An Lão | Ban QLDA XD các công trình DD và CN tỉnh | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | Ban QLDA XD các công trình DD và CN tỉnh | 17,5 |
| 39 | Khảo sát địa hình, lập bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án: Khu du lịch sinh thái cộng đồng Tà Má- Hà Ri; 39,3 ha | TT An Lão | Ban QLDA XD các công trình DD và CN tỉnh | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | Ban QLDA XD các công trình DD và CN tỉnh | 17,5 |
| 40 | Khảo sát địa hình, lập bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án: Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng suối nước nóng; 9,23 ha | Xã Vĩnh Thạnh | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ H Vĩnh Thạnh | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ H Vĩnh Thạnh | 76,3 |
| 41 | Khảo sát địa hình, lập bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án: Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Vĩnh Sơn; 28,50 ha | Xã Vĩnh Sơn | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ H Vĩnh Thạnh | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ H Vĩnh Thạnh | 245,3 |
| 42 | Khảo sát địa hình, lập bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 công trình: sân vận động huyện Vĩnh Thạnh; 4,70 ha | Thị trấn Vĩnh Thạnh | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ H Vĩnh Thạnh | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ H Vĩnh Thạnh | 46,9 |

| | | | | | | | |
|----|---|---------------------|----------------------------------|-----------------|---------------|----------------------------------|-------|
| 43 | Khảo sát, lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 Dự án: Khu đô thị biển Nam vùng Đầm Đề Gi 11,29 ha | Xã Cát Khánh | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ H Phù Cát | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ H Phù Cát | 107,0 |
| 44 | Khảo sát, lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 Công trình: Nhà máy cấp thoát nước sinh hoạt Nhơn Hậu, Nhơn Mỹ; 32 ha | Xã Nhơn Hậu-Nhơn Mỹ | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ TX An Nhơn | Bản đồ địa hình | Đã hoàn thành | Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ TX An Nhơn | 680,0 |